

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC THỌ  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 16/01/2017

V/v : *Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Huy Trọng.*

*Các hội thẩm:*

1, Ông Lê Như Long- Hưu trí tại xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh;

2, Ông Lê Đức Nghiêm- Hưu trí tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2017/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh T; sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 07, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Ông Dương Ngọc S; sinh năm: 1960; địa chỉ: Tổ dân phố 07, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2017, bản tự khai tại hồ sơ và quá trình xét xử, bà Võ Thị Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh T chung sống như vợ chồng với ông Dương Ngọc S từ năm 1994 đến nay trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn. Bà T và ông S chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm sống, ông S nghiện ma túy, thường xuyên xúc phạm, đánh đập vợ con, không có trách

nhiệm với gia đình; hai ông bà đã ly thân được khoảng 10 năm rồi. Nay bà T xác định tình cảm giữa hai người không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Việt H, sinh ngày 24/9/1994. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và tự chăm lo cuộc sống bản thân nên bà Võ Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản tự khai, ông Dương Ngọc S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Ngọc S và bà Võ Thị Thanh T chung sống như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung giữa hai ông bà từ trước tới nay vẫn hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng hai ông bà đã ly thân được khoảng 10 năm rồi. Hiện nay, mâu thuẫn giữa hai ông, bà chưa tới mức trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài, ông S có nguyện vọng đoàn tụ với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Việt H, sinh ngày 24/9/1994. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và tự chăm lo cuộc sống bản thân nên ông Dương Ngọc S không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S là vợ chồng.

- Về tài sản và nợ chung: Bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Võ Thị Thanh T nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S đều khẳng định ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn; tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 12 năm 2017, đại diện UBND thị trấn Đ cho biết kể từ năm 1992 đến nay, không có trường hợp nào ghi nhận ông Dương Ngọc S và bà Võ Thị Thanh T đăng ký tại Sở đăng ký kết hôn lưu tại UBND thị trấn Đ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bà T và ông S không đăng ký kết hôn. Việc bà T và ông S không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì việc chung sống giữa bà T và ông S không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, cần căn cứ Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình để không công nhận bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bên đương sự xác định 01 con chung là Dương Việt H, sinh ngày 24/9/1994, hiện nay cháu H đã trưởng thành và tự chăm lo cuộc sống bản thân nên bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S không yêu Tòa án cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản và nợ chung*: Bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Bà Võ Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên.***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S là vợ chồng.

**2. Về án phí**: Bà Võ Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền trên bà T đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền số 003223 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

**4. Về quyền kháng cáo**: Bà Võ Thị Thanh T và ông Dương Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/01/2018.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố quyền kháng cáo của những người có mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đ (2b);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. Hội đồng xét xử**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**  
**Nguyễn Huy Trọng**